

Bản án số: 05/2017/HC-PT

Ngày 13/6/2017

“V/v khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tổ Dương

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Quang Cường

2. Bà Trần Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Đức Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Bà Trần Thị Minh Hiền
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 6 năm 2017 tại Trụ sở án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 21/2016/TLPT-HC ngày 10 tháng 11 năm 2016 về việc khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 19/2016/HCST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H bị người khởi kiện kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/QĐ-HC ngày 27/4/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa hành chính phúc thẩm số 06/2017/QĐ-PT ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* 1.1. Ông **Phan Xuân T** - Sinh năm 1944

1.2. Bà **Lê Thị K** - Sinh năm 1958

Đều có địa chỉ: tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Đều có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: anh **Nguyễn Văn C**

Địa chỉ: tổ 79, khu 5, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà **Mai Thị L** - Luật sư văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. *Người bị kiện:* **Chủ tịch ủy ban nhân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.**

Địa chỉ: số 2, phố B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Quang H - Phó chủ tịch. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H.**

Địa chỉ: phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện theo ủy quyền: ông Lương Đỗ T - Phó chủ tịch. Có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Kim D

Địa chỉ: tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt.

Người kháng cáo: ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ vào bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2016, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 06/4/2016 và các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện là ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K (có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn C) trình bày:

Gia đình ông Phan Xuân T và gia đình bà Lê Thị K hiện trú tại tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H có ngõ đi chung thuộc thửa đất số 50, tờ BDĐC số 82- là đất giao thông do UBND phường V quản lý. Ngày 20/8/2014, Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận QSDĐ phường V, thành phố H đã xem xét tài liệu và thảo luận đi đến thống nhất nội dung: Một phần thửa đất số 50, tờ BDĐC số 82 tại tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị K khai phá năm 1972, đến năm 1983 bà Nguyễn Thị K bán thửa đất này cho bà K - ông D; đến đầu năm 1987, bà K - ông D chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất (trong đó có móng nhà và nhà bếp) cho ông Nguyễn Chiến T; Cuối năm 1987, ông T chuyển nhượng toàn bộ nhà đất này cho bà Nguyễn Thị Kim D.

Không đồng ý với nội dung Biên bản làm việc ngày 20/8/2014, ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND phường V, thành phố H.

Ngày 12/01/2016, Chủ tịch UBND phường V, thành phố H ban hành Quyết định số 11/QĐ- UBND về việc “Giải quyết khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K, trú tại tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H”. Không đồng ý với nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường V, ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 14/3/2016, Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 644/QĐ-UBND, ngày 14/3/2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K, trú tại tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H, với nội dung: Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K; công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 11/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của Chủ tịch UBND phường V, thành phố H.

Ông T và bà K không đồng ý với Quyết định số 644/QĐ-UBND, ngày 14/3/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H, vì: Quyết định giải quyết khiếu nại này ban hành trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích của ông T và bà K, cụ thể:

- Trong phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 26/7/2014 UBND phường V căn cứ vào Thông tư số 06/2007/TT- BTNMT ngày 02/7/2007 của Bộ tài nguyên và môi trường “Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007”. Tại thời điểm lấy ý kiến khu dân cư thông tư này đã hết hiệu lực pháp

luật, vì Luật đất đai năm 2013 đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy việc áp dụng pháp luật của UBND phường V là trái pháp luật.

- Trong Phiếu lấy ý kiến khu dân cư, phần tình trạng tranh chấp đất đai đã thể hiện: 16m² bà D đang đòi quyền sử dụng đối với địa phương. Theo Luật đất đai năm 2013, Đất đang tranh chấp là đất không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND phường V đã họp xét duyệt nguồn gốc một phần thửa đất số 50 cho bà D là trái pháp luật.

- UBND phường V căn cứ vào thông báo số 113/TB-TLVA của Tòa án nhân dân thành phố H; ngày 20/8/2014 thay vì việc cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án cho Tòa án, thì Hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại căn cứ vào thông báo của Tòa án để làm lý do họp xét duyệt nguồn gốc đất tranh chấp để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim D là trái pháp luật.

- Chủ tịch UBND thành phố H và Chủ tịch UBND phường V không có sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật đất đai để giải quyết khiếu nại cho người dân (Quyết định giải quyết khiếu nại số 644/QĐ-UBND, ngày 14/3/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H áp dụng Luật đất đai năm 2013; Quyết định giải quyết khiếu nại số 11/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của Chủ tịch UBND phường V, áp dụng Luật đất đai 2003).

Từ những căn cứ trên, ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 644/QĐ- UBND, ngày 14/3/2016 của Chủ tịch UBNDTP H “V/v giải quyết khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K, trú tại tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H”.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là bà Mai Thị L có quan điểm thống nhất với quan điểm của người khởi kiện và bổ sung: trong quá trình giải quyết khiếu nại lần 2, Chủ tịch UBND thành phố H đã không tuân thủ trình tự, thủ tục giải quyết, vì: Theo quy định Điều 39 Luật khiếu nại năm 2011 thì trước khi ra Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, chủ tịch UBND thành phố phải có trách nhiệm tổ chức đối thoại giữa người khiếu nại và người bị khiếu nại. Tuy nhiên, chủ tịch UBND thành phố đã H đã không tổ chức việc đối thoại là vi phạm nghiêm trọng thủ tục giải quyết khiếu nại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy Quyết định số 644/QĐ-UBND, ngày 14/3/2016 của Chủ tịch UBNDTP H “V/v giải quyết khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K, trú tại tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H”.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H trình bày:

Ông T và bà K yêu cầu hủy Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của Chủ tịch UBND phường V vì thiếu khách quan, dân chủ, thiên vị cho bà Nguyễn Thị Kim D; việc UBND phường V tổ chức lấy ý kiến khu dân cư là không đúng quy định, vì: Việc tổ chức lấy ý kiến khu dân cư chỉ được thực hiện khi không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 3 - Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất.

UBND thành phố H đã xem xét, giải quyết nội dung khiếu nại của ông T và bà K, kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại lần 2 xác định:

Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 26/7/2014 và Biên bản làm việc ngày 20/8/2014, của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền; xét bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai của UBND phường V, thành phố H được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K không cung cấp được các hồ sơ, chứng lý xác đáng để khẳng định nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tại thửa số 50 tờ bản đồ địa chính số 82, tờ 1, khu 11, phường V nên việc ông T và bà K đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai phần ngõ đi chung thuộc thửa đất số 50 tờ bản đồ địa chính số 82, tờ 1, khu 11, phường V là không có cơ sở giải quyết.

Đối với việc lấy Phiếu ý kiến khu dân cư: Đất không có giấy tờ theo quy định của Luật đất đai thì phải lấy ý kiến khu dân cư để xác định nguồn gốc đất. Tháng 6 năm 2014, UBND phường V có ban hành văn bản số 122/UBND, ngày 16/6/2014 “V/v xác minh nguồn gốc sử dụng thửa đất số 50, tờ bản đồ địa chính số 82 thuộc tờ 1, khu 11, phường V” chỉ đạo khu phố 11 tổ chức lấy ý kiến khu dân cư theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT, ngày 02/7/2007 của Bộ tài nguyên và môi trường. Vào thời điểm UBND phường V chỉ đạo khu phố lấy ý kiến khu dân cư thì Luật đất đai năm 2013 chưa có hiệu lực (Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực từ ngày 01/7/2014). Do đó, việc UBND phường V chỉ đạo lấy Phiếu ý kiến khu dân cư để xác định nguồn gốc đất theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT, ngày 02/7/2007 của Bộ tài nguyên và môi trường là đúng quy định; đối với tình trạng tranh chấp đất đai: UBND phường V là cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương khi bà Nguyễn Thị Kim D yêu cầu UBND phường cấp quyền sử dụng đất đối với 16m² đất thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 82 cho hộ gia đình bà D. UBND phường V đã thực hiện việc xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan đến diện tích đất bà D yêu cầu được cấp. Việc bà D yêu cầu được cấp diện tích đất này không phải thuộc trường hợp có tranh chấp đất đai; đối với nội dung tổ chức đối thoại khi giải quyết khiếu nại lần 2: Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần 2, chủ tịch UBND thành phố H đã tiến hành giao cho phòng Thanh tra tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Phòng thanh tra đã có buổi làm việc trực tiếp với người khiếu nại là ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K. Kết quả xác minh đã rõ nội dung khiếu nại nên Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, vì việc tổ chức đối thoại không phải là thủ tục bắt buộc.

Do đó, UBND thành phố H giữ nguyên Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H “V/v giải quyết khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K, trú tại tờ 1, khu 11, phường Việt Hưng, thành phố H”.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường V trình bày:

Ngày 16/6/2014 UBND phường V chỉ đạo khu phố 11 tổ chức lấy ký kiến khu dân cư theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT, ngày 02/7/2007 của Bộ tài nguyên và môi trường để xác minh nguồn gốc đất đối với thửa đất trên hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật. Ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K đã khiếu nại, chủ tịch UBND phường V đã giải quyết, với nội dung: Giữ nguyên nội dung kết luận của Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền; xét bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai phường V họp ngày 20/8/2014.

UBND phường V đồng ý với Quyết định số 644/QĐ- UBND ngày 14/3/2016 của chủ tịch UBND thành phố H “V/v giải quyết khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K trú tại tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H”, vì Quyết định đã được ban hành đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim D có quan điểm:

Việc lấy phiếu ý kiến khu dân cư để xác minh nguồn gốc sử dụng thửa đất số 50, tờ bản đồ địa chính số 82 thuộc tổ 1, khu 11, phường V là hoàn toàn khách quan, gia đình bà không biết việc tổ dân khu phố tổ chức lấy ý kiến khu dân cư để xác minh nguồn gốc sử dụng thửa đất trên. Những người được lấy ý kiến trong Phiếu lấy ý kiến khu dân cư đều là những người sinh sống lâu năm tại khu 11, phường V, có những hiểu biết nhất định về thửa đất cần lấy ý kiến. Người khởi kiện cho rằng có Thông báo số 113/TB-TLVA của Tòa án nhân dân thành phố H thì UBND phường V mới tổ chức lấy ý kiến khu dân cư là không chính xác, vì bà cũng đã nhiều lần gửi đơn lên UBND phường V yêu cầu xem xét giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất trên cho hộ gia đình bà. Bà đồng ý với quan điểm của người đại diện người bị kiện, giữ nguyên Quyết định số 644/QĐ- UBND ngày 14/3/2016 “V/v giải quyết khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K, trú tại tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H”.

Tại bản án sơ thẩm số 19/2016/HCST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H quyết định:

Bác đơn khởi kiện của người khởi kiện ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K về việc yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H “V/v giải quyết khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K, trú tại tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H”.

Ngoài ra Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi án sơ thẩm tuyên, ngày 07/10/2016 người khởi kiện ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm theo Điều 240 Luật tố tụng hành chính năm 2015 và đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức, đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K nằm trong hạn luật định nên chấp nhận để xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền: yêu cầu của người khởi kiện hủy Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Chủ tịch UBND TP H “V/v giải quyết khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K, trú tại tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H” là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền

[3] Về nội dung: sau khi nghiên cứu hồ sơ và tranh tụng tại phiên tòa, xét yêu cầu đề nghị tuyên hủy Quyết định số 644/QĐ- UBND ngày 14/3/2016 của chủ tịch UBND thành phố H “V/v giải quyết khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K, trú tại tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H” Hội đồng xét xử nhận định:

Về nguồn gốc: Một phần thửa đất số 50 tờ bản đồ địa chính số 82, địa chỉ tổ 1, khu 11, phường V, diện tích khoảng 31,4m² có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị K khai hoang để làm ruộng năm 1972, đến năm 1983 bà K bán cho bà K - ông D; đến đầu năm 1987, bà K - ông D chuyển nhượng toàn bộ thửa đất (trong đó có móng nhà và bếp) cho ông Nguyễn Chiến T; cuối năm 1987 ông T chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho bà Nguyễn Thị Kim D.

Xét lý do yêu cầu hủy quyết định 644 Ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K:

Thứ nhất: Căn cứ quy định của Luật đất đai, tại thời điểm tổ chức Phiếu lấy ý kiến khu dân cư vào ngày 26/7/2014 thì Luật đất đai năm 2013 đã có hiệu lực nên phải theo Mẫu số 05/ĐK của Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ tài nguyên và môi trường nhưng UBND phường V đã sử dụng Mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 06/2007/TT- BTNMT ngày 02/7/2007 của Bộ tài nguyên và môi trường là chưa chính xác, chưa đúng quy định về việc sử dụng mẫu văn bản. Nhưng việc sử dụng mẫu này không ảnh hưởng đến nội dung việc xác minh nguồn gốc đất. Do đó, việc chưa áp dụng đúng Mẫu văn bản này UBND phường V cần nghiêm túc rút kinh nghiệm khi áp dụng mẫu văn bản.

Thứ hai: Tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 26/7/2014, tại mục 3. Tình trạng tranh chấp đất đai thể hiện: 16m² đất bà D đang đòi quyền sử dụng đối với địa phương. Tài liệu, hồ sơ thể hiện 16m² đất bà D đang yêu cầu được cấp quyền sử dụng là một phần thửa đất số 50, tờ bản đồ địa chính số 82 thuộc tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H - Là đất giao thông do UBND phường V quản lý. Bà D cho rằng khi đo lập bản đồ địa chính vào năm 2003, bà D không có mặt ở nhà nên cán bộ địa chính đã đo không đúng diện tích đất của gia đình bà. Bà D cung cấp việc đóng thuế hàng năm với diện tích đất là 124,3 m² từ năm 2001. Nhưng khi lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất thì gia đình bà chỉ có diện tích 108,3m². Theo quy định tại khoản 24 Điều 3- Luật đất đai năm 2013 quy định “*Tranh chấp đất đai là tranh chấp về quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai*”. UBND phường V là cơ quan quản lý Nhà nước ở địa phương nên khi bà D Yêu cầu được cấp quyền sử dụng đất đối với 16m² thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ địa chính số 82 thì UBND phường V phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó, việc bà D yêu cầu UBND phường V làm thủ tục cấp quyền sử dụng diện tích đất trên cho hộ gia đình bà không phải là tranh chấp đất đai. Vì vậy, người khởi kiện cho rằng Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 26/7/2014, đã thể hiện tình trạng có tranh chấp đất đai nhưng Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND phường V đã họp xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D là trái pháp luật, là không có cơ sở để chấp nhận.

Thứ ba: Tòa án nhân dân thành phố H có thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 113/2014/TLST-DS ngày 16/7/2014 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D với bị đơn ông Phan Xuân T. Tòa án nhân dân thành phố H có Thông báo về việc thụ lý vụ án và gửi cho các đương sự, trong nội dung Thông báo thụ lý có đề nghị các đương sự cung cấp chứng cứ, tài liệu trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo.

Việc xác minh nguồn gốc đất để cung cấp chứng cứ cho Tòa án là quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Trong vụ án dân sự thụ lý số 113/2014/TLST- DS ngày 16/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố H thì UBND phường V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tuy nhiên, việc xác minh nguồn gốc đất được thực hiện căn cứ theo biên bản làm việc ngày 10/12/2013 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Q với UBND phường V, thành phố H (thể hiện tại Văn bản số 122/UBND, ngày 16/6/2014 của UBND phường V). Ngày 20/8/2014, Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền; xét bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai của UBND phường V họp kết luận. Như vậy, việc xác minh nguồn gốc đất được UBND phường V thực hiện trước khi có thông báo số 113/2014/TLST- DS ngày 16/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Ngày 05/10/2014, bà Nguyễn Thị Kim D có đơn xin rút đơn khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192- Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2011. Tòa án nhân dân thành phố H đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 31/2014/QĐST- DS, ngày 09/10/2014 của Tòa án nhân dân thành phố H. Quyết định đình chỉ quyết vụ án dân sự số 31/2014/QĐST- DS, ngày 09/10/2014 của Tòa án nhân dân thành phố H không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật. Sau đó bà D mới yêu cầu UBND phường V làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 16m² đất thuộc thửa 50, tờ bản đồ số 82 cho gia đình bà D.

Do đó, người khởi kiện cho rằng UBND phường V căn cứ vào thông báo số 113/TB-TLVA của Tòa án nhân dân thành phố H; ngày 20/8/2014 thay vì việc cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án cho Tòa án, thì Hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại căn cứ vào thông báo của Tòa án để làm lý do họp xét duyệt nguồn gốc đất tranh chấp để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim D là không có cơ sở để chấp nhận.

Thứ tư: Đối với nội dung Chủ tịch UBND thành phố H và Chủ tịch UBND phường V không có sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật đất đai để giải quyết khiếu nại cho người dân. Hội đồng xét xử nhận định:

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 644/QĐ- UBND, ngày 14/3/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H đã căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13, ngày 29/11/2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai để giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K, trú tại tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H là áp dụng đúng pháp luật để giải quyết vụ việc.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 11/QĐ- UBND ngày 12/01/2016 của Chủ tịch UBND phường V đã căn cứ Luật đất đai số 13/2003/QH11, ngày 26/11/2003 và Nghị định số 84/2007/NĐ- CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ “Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai” để giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K, trú tại tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H là áp dụng chưa đúng pháp luật để giải quyết vụ việc, vì tại thời điểm này Luật đất đai năm 2013 đã có hiệu lực pháp luật (ngày 01/7/2014). Do đó, khi giải quyết vụ việc liên quan đến đất đai phải áp dụng Luật đất đai năm 2013. UBND phường V, thành phố H đã có thiếu sót khi áp dụng pháp luật giải quyết khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê

Thị K. Tuy nhiên, thiếu sót này không ảnh hưởng đến bản chất, nội dung giải quyết vụ việc, không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự. UBND phường V, thành phố H phải nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ việc.

Thứ năm: Đối với nội dung chủ tịch UBND thành phố H khi giải quyết khiếu nại lần 2 đã không tổ chức đối thoại là vi phạm nghiêm trọng thủ tục giải quyết khiếu nại, thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần 2, chủ tịch UBND thành phố H đã giao cho Phòng thanh tra thực hiện việc xác minh nội dung khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K. Phòng thanh tra đã có buổi làm việc trực tiếp với người khiếu nại là ông T và bà K, thể hiện qua Biên bản làm việc ngày 10/3/2016, V/v làm rõ các nội dung khiếu nại của công dân. Sau khi Phòng thanh tra làm rõ nội dung khiếu nại của người khiếu nại, chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 644/QĐ- UBND, ngày 14/3/2016 là đúng quy định của pháp luật, vì việc tổ chức đối thoại chỉ đặt ra khi yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau thì người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan quy định tại Điều 39- Luật khiếu nại năm 2011. Do đó, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng chủ tịch UBND thành phố H khi giải quyết khiếu nại lần 2 đã không tổ chức đối thoại là vi phạm nghiêm trọng thủ tục giải quyết khiếu nại là không có cơ sở để chấp nhận.

Ngoài ra, người khởi kiện ông T và bà K cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm 02 (hai) bản ảnh và đơn trình bày thể hiện xuất xứ của 02 (hai) bản ảnh, thể hiện: Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 30/7/2007, Tòa án nhân dân thành phố H tiến hành thẩm định hiện trạng ngõ đi chung này, ông T còn thuê thợ ảnh chụp thể hiện công ông T xây dựng vào năm 1980 và đường ống nước của gia đình ông chạy dọc theo thửa đất số 50 tờ bản đồ địa chính số 82, tờ 1, khu 11, phường V, thành phố H được Công ty nước sạch thiết kế, lắp đặt ở bên ngoài tường của gia đình bà D xây dựng năm 1999. Biên bản thẩm định này đã được các bên tham gia ký xác nhận. Bức ảnh thể hiện 02 bức tường của thửa đất số 50, tờ bản đồ số 82, tờ 1, khu 11, phường V, thành phố H. Trong đó bức tường bao quanh nhà bà Nguyễn Thị Kim D, do bà D xây dựng từ năm 1999 để làm ranh giới giữa thửa đất của gia đình bà D và thửa đất số 50, tờ bản đồ số 82, tờ 1, khu 11, phường V, thành phố H. Do đó, việc bà D đòi 16m² của thửa đất số 50, tờ bản đồ số 82, tờ 1, khu 11, phường V, thành phố H là không có cơ sở.

Những người làm chứng gồm: bà Trần Thị C, bà Nguyễn Thị K(1), bà Nguyễn Thị Kim V, Phạm Thị N, Phạm Thị T, ông Nguyễn Gia V, Đàm Văn N, ông Đinh Tiến B và ông Lê Khắc C đều có lời khai thể hiện: Một phần diện tích thửa đất số 50, tờ bản đồ số 82, tờ 1, khu 11, phường V, thành phố H có nguồn gốc là của bà K khai hoang để làm ruộng năm 1972, đến năm 1983 K bán cho bà K(1) - ông D; đến đầu năm 1987, bà K(1)- ông D chuyển nhượng toàn bộ thửa đất (trong đó có móng nhà và bếp) cho ông Nguyễn Chiến T; cuối năm 1987 ông T chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho bà Nguyễn Thị Kim D. Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 82, tờ 1, khu 11, phường V, thành phố H là lối đi chung của nhà ông Phan Xuân T, bà Lê Thị K trước đây chỉ là bờ ruộng, có diện tích rộng khoảng 08 đến 1m. Hiện nay, thửa đất này có chiều rộng từ 3 đến 4m.

Mặt khác, hiện nay thửa đất số 50 tờ bản đồ địa chính số 82, tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H - đất giao thông, sau khi cắt trừ 16m² đất mà bà D đòi quyền sử dụng, thì hiện trạng thửa đất còn lại có chiều rộng bám mặt đường Đ là 1,91m đã đảm bảo về lối đi chung cho hai hộ gia đình ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K.

Từ sự phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử thấy: Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H “V/v giải quyết khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K, trú tại tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H” được ban hành theo đúng căn cứ, trình tự, thẩm quyền quy định của pháp luật. Quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K được đảm bảo. Tòa án nhân dân thành phố H đã bác yêu cầu khởi kiện của ông T và bà K là có căn cứ. Do đó không có cơ sở chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Phan Xuân T - bà Lê Thị K và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của người khởi kiện ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K về việc yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H “V/v giải quyết khiếu nại của ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K, trú tại tổ 1, khu 11, phường V, thành phố H”.

Căn cứ Pháp lệnh số 10 ngày 27/2/2009, điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí tòa án: buộc ông Phan Xuân T và bà Lê Thị K mỗi người phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mỗi người đã nộp là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo các biên lai số 0001231, số 0001232 cùng ngày 18/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Ông T, bà K đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- THA, VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký